



RỦI RO THỊ TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NÔNG HỘ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Quốc Nghi¹ và Lê Thị Diệu Hiền¹

¹Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/04/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

Title:

Market risk in agriculture of households in the Mekong Delta

Từ khóa:

Nông hộ, rủi ro thị trường, sản xuất nông nghiệp

Keywords:

Households, market risk, agricultural production

ABSTRACT

Market risk is one of five risk categories in which households have faced. Especially, the context of agricultural markets increasingly demand and be competitive situation fiercely. This study aims to describe the panorama of the market risk that households have confronted, and assess the impact level of market risk on the efficiency of household production at once. Through the survey 503 households in the Mekong Delta, the study showed that most of the farm households are affected by market risk. In particular, output price risk is the risk of agricultural products in which are the top concerns of households. Results Multivariate Regression Analysis also showed that the number of market risk was inversely correlated to production efficiency.

TÓM TẮT

Rủi ro thị trường là một trong năm loại rủi ro mà nông hộ luôn phải đối mặt. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường nông sản ngày càng khắt khe và tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Nghiên cứu này nhằm mô tả bức tranh toàn cảnh về những rủi ro thị trường mà nông hộ gặp phải, đồng thời đánh giá mức độ tác động của rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Thông qua kết quả khảo sát 503 nông hộ ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu đã cho thấy hầu hết các nông hộ sản xuất nông nghiệp đều chịu ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường. Trong đó, rủi ro về giá đầu ra nông sản luôn là mối nguy ngại hàng đầu của nông hộ. Kết quả phân tích hồi quy đa biến còn cho thấy số lần rủi ro thị trường tương quan nghịch đến hiệu quả sản xuất.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực có thế mạnh về nông nghiệp, là vựa lúa của cả nước, đồng thời là vựa trái cây, là nơi nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản chủ lực. Thắng lợi của sản xuất nông nghiệp (SXNN), nhất là lúa gạo và thủy sản đã thúc đẩy kinh tế ở khu vực ĐBSCL tăng trưởng, giải quyết việc làm cho nhiều người dân ở các vùng nông thôn, góp phần ổn định an sinh xã hội. Tuy nhiên, SXNN đang tăng trưởng thiếu bền vững, khả năng cạnh tranh của nông sản trên thị

trường cả trong và ngoài nước còn khá thấp. Những năm gần đây, các chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở khu vực đã đem lại nhiều khởi sắc cho một số ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Nhiều nông hộ đã giàu lên nhanh chóng nhưng đa phần là những “hộ có đủ nguồn lực” vì họ có vốn và biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trong khi đó, phần đông nông dân vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong việc đối phó với các rủi ro luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ. Đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn

là không thể tránh khỏi trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh những rủi ro sản xuất, rủi ro thể chế, rủi ro cá nhân, rủi ro tài chính, nông hộ thường xuyên chịu ảnh hưởng rủi ro thị trường (Joy Harwood và ctv, 1999). Điển hình là thực trạng “mất mùa được giá” hay “được giá mất mùa” luôn tồn tại và diễn biến phức tạp. ĐBSCL vốn nổi tiếng là vựa lúa lớn nhất của Việt Nam nhưng đời sống của nông dân vẫn nghèo mà một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng này là do giá nông sản còn quá thấp và thường xuyên biến động (Gia Báo, 2011). Trong quá trình sản xuất, nông dân luôn chịu rủi ro kép do thiên tai (hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh) và rủi ro thị trường (biến động giá cả, tỷ giá hối đoái, mất cân đối cung cầu) (Gia Báo, 2011). Không chỉ riêng trong lĩnh vực sản xuất lúa mà trong trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, hay chăn nuôi người dân cũng phải chịu rủi ro không kém. Chính vì thế, nghiên cứu “Rủi ro thị trường trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ ở ĐBSCL” được thực hiện nhằm đề xuất các khuyến nghị góp phần hạn chế rủi ro thị trường trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

a. Các loại rủi ro trong nông nghiệp

Có nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu về rủi ro nói chung và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, định nghĩa về “rủi ro” được đưa ra dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Theo Frank Knight (1964): “Rủi ro là sự bất trắc có thể đo lường được” hay “Rủi ro là tổng hợp những sự ngẫu nhiên có thể đo lường được bằng xác suất” (Irving Preffer, 1956). Theo Allan Willett (1951): “Rủi ro là sự bất trắc cụ thể liên quan đến việc xuất hiện một biến cố không mong đợi”. Rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết những hoạt động của con người. Khi có rủi ro người ta không thể dự đoán chính xác được kết quả. Sự hiện diện của rủi ro gây nên sự bất định. Nguy cơ rủi ro xuất hiện bất cứ khi nào khi một hành động dẫn đến khả năng được hoặc mất không thể đoán trước” và rủi ro có thể đo lường được nhưng rủi ro là sự biến động tiềm ẩn những kết quả (Huân, 2008). Trong nông nghiệp, rủi ro được thể hiện qua những kết quả tiêu cực xuất phát từ dự đoán không hoàn hảo, sự thay đổi của khí hậu và biến động giá. Các yếu tố này bao gồm sự thất thường của tự nhiên (ví dụ như sâu hại, dịch bệnh) hay thời tiết không nằm trong sự kiểm soát của SXNN. Rủi ro nông nghiệp cũng bao gồm các biến động bất lợi về giá cả đầu

vào và đầu ra. (World Bank, 2005). Như vậy, rủi ro nông nghiệp là những bất trắc, tổn thất xảy ra cho người sản xuất nông nghiệp gây ra bởi nhiều nguyên nhân như: thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, giá cả, giống... Có nhiều cách để phân loại rủi ro trong nông nghiệp, tuy nhiên nhiều nhà nghiên cứu cho rằng nó gồm 5 nhóm rủi ro sau: Rủi ro sản xuất (production risk), rủi ro giá (price or marketing risk), rủi ro thể chế (institutional risk), rủi ro do con người (individual risk) và rủi ro tài chính (financial risk) (George R. Patrick và ctv, 1985; Gudbrand Lien và ctv, 2003; James Hanson và ctv, 2004; World Bank, 2005).

b. Rủi ro thị trường và biểu hiện trong sản xuất nông nghiệp

Nhiều nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm đã chỉ ra rằng, RRTT là loại rủi ro liên quan đến biến động giá đầu vào và đầu ra (Huirne et al. (2000) and Hardaker et al. (2004) hay RRTT liên quan đến sự biến động về giá và cả số lượng nông sản có thể được bán trên thị trường (Musser and Patrick, 2001, Baquet et al., 1997). Biến động giá đầu ra là một nguyên nhân quan trọng gây ra rủi ro trong nông nghiệp. Giá nông sản thay đổi năm này qua năm khác và đặc biệt là biến động lớn theo mùa vụ sản xuất trong một năm. Nhiều rủi ro có thể lường trước được nếu chu kỳ sản xuất là rất ngắn nếu giá không kịp thay đổi. Nhưng nông nghiệp lại có chu kỳ sản xuất dài thường là 3 – 4 tháng và thậm chí là lâu hơn. Do đó các quyết định sản xuất phải trước đó 3 – 4 tháng, với thời gian đó đủ để giá các nông sản có thể thay đổi. Giá nông sản thay đổi do vô số lý do mà nông dân không có khả năng kiểm soát. Cung nông sản chịu tác động của quyết định sản xuất của từng người nông dân và thời tiết xảy ra năm đó. Còn nhu cầu nông sản cũng chịu ảnh hưởng bởi vô số yếu tố: thu nhập của người tiêu dùng, xuất khẩu và chính sách xuất khẩu, nền kinh tế nói chung, tất cả những cái đó đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nhu cầu thông qua chính sách của chính phủ. Biến động giá đầu vào và đầu ra là những nguồn quan trọng của RRTT trong nông nghiệp (Musser and Patrick, 2001). Moschini và Henessy (2001) khi bàn về nguồn gốc của RRTT trong nông nghiệp cũng cho rằng, quyết định sản xuất được thực hiện rất lâu trước khi thu hoạch các sản phẩm cuối cùng. Giá bán đầu ra thường không được biết ở tại thời điểm các quyết định sản xuất được thực hiện. Mặt khác, nhu cầu không co giãn thường được xem là lời giải thích chủ yếu cho biến động giá cả trong nông nghiệp.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Theo nghiên cứu của James Hanson và ctv (2004) và Dewan A. Ahsan & Eva Roth (2010), nông dân luôn đối mặt với 5 rủi ro chính, trong đó RRTT ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả đầu tư của nông hộ. Tương tự, theo nghiên cứu của Tru C. Le, & France Cheong (2009) cho rằng rủi ro mà nông hộ đánh giá là có tác động lớn nhất đến hiệu quả sản xuất của họ là sự thay đổi giá bán, chi phí giá nguyên vật liệu đầu vào. Nghiên cứu của Véronique Le Bihan và ctv (2010) cũng đã khẳng định RRTT là một trong 10 loại rủi ro mà nông hộ quan tâm nhất, đó cũng là kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Trang (2011). Nghiên cứu của George R. Patrick và ctv. (1985) cho thấy, ngoài yếu tố thời tiết, RRTT được xem là rủi ro lớn mà nông hộ luôn đối mặt. Một số nghiên cứu của các tác giả như Thái Thanh Hà (2005), Dương Vĩnh Hào (2009), Nguyễn Minh Đức (2010), Nguyễn Quốc Nghi và ctv. (2010) đã cho thấy hiệu quả sản xuất của nông hộ chịu tác động bởi các yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ, kinh nghiệm nuôi trồng, diện tích sản xuất, chi phí đầu tư và số rủi ro nông hộ gặp phải trong vụ sản xuất. Chính vì sự ảnh hưởng quan trọng của RRTT, nên nghiên cứu chỉ tập trung đánh giá tác động của nó đối với hiệu quả sản xuất nông nghiệp của nông hộ ở các tỉnh vùng ĐBSCL. Hơn nữa, đối với mỗi ngành cụ thể, tác động của rủi ro sản xuất sẽ có sự khác biệt rõ rệt do mỗi loại cây trồng, vật nuôi sẽ bị ảnh hưởng khác nhau bởi dịch bệnh, thời tiết. Riêng với RRTT, sự tác động của nó chủ yếu là do sự biến động về giá của các yếu tố nguồn lực đầu vào và giá sản phẩm đầu ra. Chính vì thế, trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả thiết lập mô hình phân tích chung cho 4 lĩnh vực sản xuất là: trồng lúa, trồng thanh long, nuôi tôm và chăn nuôi heo. Trên cơ sở lý thuyết, lược khảo tài liệu và qua khảo sát thực tế, nhóm tác giả thiết lập mô hình hồi qui

tuyến tính đa biến xác định mức độ tác động của yếu tố rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ như sau:

$$TYSUATLOINHUAN = \beta_0 + \beta_1 RRTTHITRUONG + \beta_2 HOCVAN + \beta_3 KINHNGHIEM + \beta_4 TAPHUAN + \beta_5 TONGCHIPHI$$

Trong đó: $TYSUATLOINHUAN$ (LN/TCPSX) là biến phụ thuộc đo lường tỷ suất lợi nhuận mà nông hộ đạt được trong vụ sản xuất được nghiên cứu, các biến độc lập bao gồm $RRTTHITRUONG$, $HOCVAN$, $KINHNGHIEM$, $TAPHUAN$, $TONGCHIPHI$.

Trên thực tế, có nhiều chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận là một trong những chủ tiêu đơn giản và dễ tính toán. Mặt khác, so với chỉ tiêu lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận phản ánh hiệu quả sử dụng chi phí của nông hộ bởi tỷ suất lợi nhuận hàm ý rằng một đồng chi phí sản xuất nông hộ bỏ ra thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận tương ứng (Võ Thị thanh Lộc, 2001). Chính vì thế, trong nghiên cứu này, $TSLN$ được dùng để đo lường hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ.

Hiệu quả sản xuất của nông hộ phụ thuộc vào các khoản chi phí và rủi ro về giá trên thị trường. Tuy nhiên, ngoài chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan, hiệu quả sản xuất của nông hộ còn bị ảnh hưởng bởi các điều kiện chủ quan như: trình độ học vấn và kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ, hay việc tham gia tập huấn kỹ thuật canh tác cũng là một trong những yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất. Do đó, trong nghiên cứu này, việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ bên cạnh RRTT được ước lượng thông qua công cụ hồi qui tương quan nhằm mục đích xác định mối quan hệ giữa tỷ suất lợi nhuận và các yếu tố giải thích vừa được đề cập.

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Biến số	Đơn vị tính	Diễn giải biến	Kỳ vọng
RRTTHITRUONG	Số lần	Nhận giá trị tương ứng với tổng số lần rủi ro thị trường mà nông hộ gặp phải trong vụ (đợt) sản xuất nghiên cứu.	-
HOCVAN	Số năm	Số năm chủ hộ đến trường tính đến thời điểm nghiên cứu.	+
KINHNGHIEM	Số năm	Số năm nông hộ tham gia sản xuất nông nghiệp tính đến thời điểm nghiên cứu.	+
TAPHUAN	1=có 0=không	Biến giả, thể hiện việc nông hộ có tham gia hay không tham gia các lớp tập huấn liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của gia đình.	+
TONGCHIPHI	Triệu đồng	Nhận giá trị tương ứng với tổng số tiền nông hộ bỏ ra trong một vụ (đợt) sản xuất.	+

2.3 Dữ liệu nghiên cứu

Để đảm tính khoa học, tính đại diện của số liệu sơ cấp, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên để tiến hành khảo sát. Các tiêu chí phân tầng bao gồm: địa bàn sản xuất, loại hình sản xuất, qui mô sản xuất. Đối tượng phỏng vấn là chủ hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp ở khu vực ĐBSCL, với cỡ được chọn mẫu là 503 mẫu. Cụ thể: 132 hộ trồng thanh long ở Tiền Giang, 120 hộ sản xuất lúa ở Hậu Giang, 118 hộ chăn nuôi heo ở Cần Thơ và 133 hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu. Thời gian triển khai cuộc điều tra từ ngày 22/02/2012 đến ngày 15/3/2012.

2.4 Phương pháp phân tích

Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu như số trung bình, tần suất, tỷ lệ,... để phản ánh thực trạng rủi ro thị trường mà nông hộ phải đối mặt. Song song đó, mô hình hồi qui

tuyến tính đa biến được sử dụng để ước lượng mức độ tác động của rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng rủi ro thị trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp

Đối với nông hộ chăn nuôi heo: Theo kết quả khảo sát cho thấy, có 55,08% nông hộ chịu rủi ro về giá thức ăn và mức độ ảnh hưởng trung bình giảm 12,19% lợi nhuận. Kế đến là rủi ro về giá bán sản phẩm, có 52,54% nông hộ gặp rủi ro này với mức ảnh hưởng trung bình giảm 28,19% lợi nhuận, mức ảnh hưởng dao động từ 3,49% đến 68,49% tùy thuộc vào giai đoạn heo tăng trưởng cũng như loại heo mà hộ chọn nuôi. Rủi ro về giá con giống cũng không ít nông hộ gặp phải (48,30%), giá con giống cũng ảnh hưởng trung bình giảm 14,69% lợi nhuận, mức độ ảnh hưởng cao nhất theo nông hộ đánh giá là giảm 61% lợi nhuận.

Bảng 2: Mức độ tác động của rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ

Loại rủi ro	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)	Mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận (%)		
			Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình
Chăn nuôi heo					
Giá con giống	57	48,30	2,00	61,00	14,69
Giá thức ăn	65	55,08	0,57	41,10	12,19
Giá bán sản phẩm	62	52,54	3,49	68,49	28,19
Trồng lúa					
Giá giống	16	13,33	1,00	6,00	2,56
Giá phân bón thuốc hóa học	106	88,33	1,00	12,00	5,22
Giá thuê đất	3	2,50	4,00	7,00	5,67
Giá lao động	93	77,50	1,00	20,00	6,11
Giá bán sản phẩm	29	24,17	4,00	35,00	11,60
Nhu cầu thị trường thay đổi	4	3,33	4,00	10,00	7,25
Trồng thanh long					
Giá phân bón thuốc hóa học	119	90,15	0,37	25,00	6,47
Giá lao động	111	84,09	0,75	21,40	3,60
Giá bán sản phẩm	55	41,66	2,38	75,00	25,83
Nuôi tôm					
Giá thuốc hóa học	38	28,57	1,00	8,00	4,38
Giá thức ăn	62	46,62	0,00	30,00	6,79
Giá bán sản phẩm	59	44,36	5,00	60,00	20,68

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, 2012

Đối với nông hộ trồng lúa: Số liệu điều tra cho thấy, có đến 88,33% nông hộ chịu ảnh hưởng bởi giá phân bón, thuốc hóa học và ảnh hưởng trung bình giảm 5,22% lợi nhuận. Ngoài ra, có 77,5% hộ trồng lúa bị ảnh hưởng bởi giá lao động và mức ảnh hưởng trung bình giảm 6,11% lợi nhuận, một số nông hộ chịu ảnh hưởng đến 20% lợi nhuận do hộ trồng lúa với quy mô lớn nên phải thuê mướn

hiều lao động trong các khâu cấy, chăm sóc và thu hoạch. Giá bán lúa cũng ảnh hưởng trung bình giảm 11,6% lợi nhuận.

Đối với nông hộ trồng thanh long: Theo kết quả nghiên cứu, rủi ro về giá bán sản phẩm ảnh hưởng nhiều nhất đến lợi nhuận với mức trung bình giảm 25,83%, cao nhất là 75%. Tuy nhiên, nông hộ gặp rủi ro giá bán (41,66%) thấp hơn các loại rủi ro về

giá phân bón, thuốc hóa học (90,15%) và giá lao động (84,09%). Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của rủi ro phân bón, thuốc hóa học chỉ giảm ở mức 6,47% và giá lao động giảm 3,60%.

Đối với các nông hộ nuôi tôm: Dựa vào kết quả khảo sát thì có đến 44,36% nông hộ chịu ảnh hưởng bởi giá bán sản phẩm và ảnh hưởng trung bình đến lợi nhuận giảm 20,68%, cao nhất là 60%. Rủi ro giá thức ăn cũng chiếm tỷ lệ cao (46,62%) với mức ảnh hưởng trung bình giảm 6,79% lợi nhuận. Còn lại là rủi ro về giá thuốc hóa học, tỷ lệ nông hộ gặp rủi ro này là 28,57% với mức ảnh hưởng đến lợi nhuận không nhiều (4,38%).

Thông qua kết quả phân tích trên cho thấy, hầu hết nông hộ phải chịu RRTT cả yếu tố đầu vào và yếu tố đầu ra, trong đó, rủi ro giá sản phẩm đầu ra luôn ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận đạt được của

nông hộ. Đây là yếu tố không thể kiểm soát đối với nông hộ, điều này đặt ra bài toán khó cho ngành nông nghiệp!

3.2 Tác động của rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ

Dựa vào kết quả phân tích ở Bảng 3 cho thấy, mức ý nghĩa của mô hình nghiên cứu rất nhỏ (Sig.F= 0,000), như vậy mô hình được thiết lập có ý nghĩa, tức là có ít nhất một biến độc lập có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc. Hệ số R2 hiệu chỉnh của mô hình là 32,3%, tức là các biến đưa vào mô hình giải thích được 32,3% sự biến thiên hiệu quả sản xuất của nông hộ. Giá trị Durbin-Watson và giá trị VIF của mô hình đều trong giới hạn cho phép (Mai Văn Nam, 2008; Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008), tức là mô hình không xảy ra hiện tượng tự tương quan và đa cộng tuyến.

Bảng 3: Tác động của rủi ro thị trường đến hiệu quả sản xuất của nông hộ

Yếu tố	Hệ số tác động chưa chuẩn hóa	Hệ số tác động chuẩn hóa	Mức ý nghĩa	Hệ số phóng đại phương sai
Hằng số	0,484	-	0,000	-
HOCVAN	0,017	0,113	0,009	1,087
KINHNGHIEM	0,010	0,209	0,000	1,069
TAPHUAN	0,107	0,112	0,012	1,146
RRTHITRUONG	-0,110	-0,466	0,000	1,274
TONGCHIPHI	0,001	0,099	0,029	1,189

Mức ý nghĩa của mô hình = 0,000; Hệ số R² hiệu chỉnh = 0,323; Hệ số Durbin-Watson = 1,735

Nguồn: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính từ số liệu điều tra thực tế, 2012

Kết quả ước lượng cho thấy, các biến giải thích đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê. Các biến tác động đúng như kỳ vọng ban đầu của tác giả và các nghiên cứu trước đây. Biến rủi ro thị trường mang hệ số âm với mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ số rủi ro thị trường tương quan nghịch với hiệu quả sản xuất của nông hộ. Trên thực tế, hoạt động sản xuất của nông hộ phụ thuộc khá nhiều vào giá các yếu tố đầu vào và giá đầu ra của nông sản. RRTT luôn là nỗi trăn trở lớn mà nông hộ ở vùng ĐBSCL phải đối mặt. Điệp khúc “được mùa mất giá, được giá mất mùa” vẫn tiếp diễn, cùng với chi phí sản xuất cao, giá bán bấp bênh đã dẫn đến lợi nhuận của nông hộ không tương xứng với sự đầu tư. Hơn nữa, thực trạng “liên kết 4 nhà” trong nông nghiệp vẫn còn khá lỏng lẻo, các hợp đồng bao tiêu giữa nông hộ với doanh nghiệp còn khan hiếm hoặc có cũng thiếu bền vững. Không có sự cam kết của người cung cấp đầu vào và người tiêu thụ đầu ra, nông hộ luôn chịu thiệt hại khi thị trường biến động là điều không thể tránh khỏi.

Kết quả phân tích còn cho thấy, biến kinh nghiệm sản xuất, trình độ học vấn và tham gia tập huấn kỹ thuật đều tương quan thuận với hiệu quả sản xuất của nông hộ, điều này cho thấy nếu trình độ học vấn của nông hộ càng cao, nông hộ có nhiều kinh nghiệm và tham gia nhiều lớp tập huấn kỹ thuật thì hiệu quả sản xuất của nông hộ sẽ được cải thiện hơn. Thực tế cho thấy, những nông hộ có trình độ học vấn cao và tích cực tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật thì khả năng xử lý các rủi ro trong quá trình sản xuất tốt hơn, đồng thời việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất luôn giúp nông hộ đạt hiệu quả tốt hơn. Song song đó, nếu nông hộ tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp càng lâu sẽ càng có nhiều kinh nghiệm, càng am hiểu về đặc điểm của loại hình sản xuất, với kinh nghiệm có được sẽ giúp nông hộ hạn chế được những rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, theo kết quả phân tích, biến tổng chi phí cũng có hệ số tác động dương với mức ý nghĩa 5%, từ đó cho thấy, chi phí đầu tư của nông hộ là khá hiệu quả, phần nào thể hiện hiệu quả theo qui mô của nông hộ.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Nông nghiệp là một ngành sản xuất ẩn chứa nhiều rủi ro tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất, đặc biệt là RRTT. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích thực trạng RRTT đối với nông hộ vùng ĐBSCL. Nghiên cứu đã cho thấy hầu hết nông hộ phải chịu RRTT cả yếu tố đầu vào và yếu tố đầu ra, trong đó, rủi ro giá sản phẩm đầu ra luôn ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận đạt được của nông hộ. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng xác định RRTT có tác động mạnh, làm giảm hiệu quả sản xuất của nông hộ, bên cạnh các yếu tố tác động khác như trình độ học vấn, kinh nghiệm, tập huấn kỹ thuật và tổng chi phí đầu tư. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với các đơn vị hữu quan và nông hộ như sau:

Đối với ngành nông nghiệp: (1) Cần tăng cường công tác quản lý thị trường vật tư nông nghiệp nhằm đảm bảo ổn định chi phí đầu vào cho nông hộ: tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ dịch vụ kinh doanh, đảm bảo giá, chất lượng giống lúa, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; (2) Rủi ro thị trường có ảnh hưởng nhiều nhất đến hiệu quả sản xuất của nông hộ, chính vì thế việc đẩy mạnh các chương trình “liên kết 4 nhà” sẽ góp phần hạn chế loại rủi ro này. Mấu chốt hiện nay trong giải pháp này chính là tăng cường vai trò pháp lý của hợp đồng tiêu thụ nông sản giữa nông dân và doanh nghiệp. Đây là cơ sở để mỗi liên kết được thiết lập chặt chẽ hơn, khi đó quyền lợi các bên được đảm bảo sẽ thúc đẩy người dân và doanh nghiệp tham gia nhiều hơn. Hợp đồng tiêu thụ nông sản bền vững sẽ tạo kênh lưu thông xuyên suốt và hiệu quả hơn cho nông phẩm; (3) Quan tâm đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyên gia tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cũng như thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ giúp nông dân trao đổi kinh nghiệm, nâng cao khả năng “tự vệ” trước những rủi ro thị trường luôn tiềm ẩn; (4) Nâng cao khả năng dự báo thị trường, cập nhật và cung cấp thông tin thị trường thường xuyên thông qua nhiều kênh thông tin đa dạng giúp nông hộ định hướng sản xuất tốt hơn.

Đối với nông hộ: (1) Chủ động trong việc cập nhật thông tin thị trường về tình hình nguồn cung, giá của các yếu tố đầu vào, tình hình tiêu thụ và giá bán để có các kế hoạch sản xuất thích hợp; (2) Tăng cường tham gia các hiệp hội, các đoàn thể để tiếp cận thông tin thị trường cũng như các nguồn vốn và các hỗ trợ khác về kỹ thuật, cây (con) giống,...; (3) Cần chủ động học hỏi, áp dụng các mô

hình sản xuất tiên tiến vào quá trình canh tác, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất; (4) Tìm hiểu về bảo hiểm nông nghiệp, tùy vào đặc điểm sản xuất của nông hộ mà tham gia bảo hiểm như một công cụ hạn chế RRTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan Willett (1951). “The Economic Theory of Risk and Insurance”, Philadelphia: University of Pennsylvania Press, USA.
2. Baquet, A., R. Hambleton and D. Jose (1997), —Introduction to Risk Management, USDA Risk Management Agency.
3. Bùi Thị Gia (2005). “Quản trị rủi ro trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp”. Giáo trình, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
4. Frank Hyneman Knight (1964). “Risk, Uncertainty and Profit”. Dover Publications, Inc., 31 East 2nd Street, Mineola, N.Y. 11501.
5. George R. Patrick và ctg (1985). “Risk Perceptions and Management Responses Generated Hypothesis for Risk Modeling”. Southern Journal of Agricultural Economics, 1985, p.231-238.
6. Gudbrand Lien và ctg (2003). “Risk and Risk Management in Organic and Conventional Dairy Farming: Empirical Results from Norway”, International Farm Management Congress, 2003.
7. Gia Bảo (2011). “Giải quyết bài toán giá cả nông sản: Đảm bảo nông dân có lợi” <http://www.baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=72&p=&id=73980>
8. James Hanson và ctg (2004). “Risk and Risk Management in Organic Farming: Views of Organic Farmers”, Renewable Agriculture and Food System, 19(4), p. 218-227.
9. Joy Harwood, Richard Heifner, Keith Coble, Janet Perry, Agapi Somwaru (1999).
10. Hardaker, J.B., R. Huirne, J.R. Anderson and G. Lien (2004), Coping with risk in agriculture, CABI Publishing.
11. Huirne, R.B.M., M. Meuwissen, J.B. Hardaker and J.R. Anderson (2000), —Risk and risk management in agriculture: an overview and empirical results, International Journal of Risk Assessment and Management, N°1: 125-136.

12. Managing Risk in Farming: Concepts, Research, and Analysis, Agricultural Economics Report No. 774. U.S. Department of Agriculture, Washington.
13. Irving Preffer (1956). “Insurance and Economic Theory”, Homeword III: Richard Di Irwin, Inc.USA, p.42.
14. Moschini, G. and D.A. Hennessy (2001), Uncertainty, risk aversion, and risk management for agricultural producer, Chapter 2 in Gardner and Rausser (2001).
15. Musser, W.N. and G.F. Patrick (2001), —How much does risk really matter to farmers? Chapter 24 in Just & Pope (2002).
16. M. Njavro, V. Par, Drazenka Plesko (2007). “Livestock Insurance as a Risk Management Tool on Dairy Farm”, University of Croatia.
17. Ngô Quang Huân (2008). “Quản trị rủi ro”, Giáo trình, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Thị Ngọc Trang (2011) “Rủi ro biến động giá cả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp” Đại học Kinh tế TP.HCM, tạp chí Phát triển kinh tế, số 243.
19. OECD (2009), Managing Risk in Agriculture: A Holistic Approach, OECD, Paris.
20. Tru C. Le, France Cheong (2009). “Measuring Risk Levels and Efficacy of Risk Management Strategies in Vietnamese Catfish Farming”, Engineering and Technology, World Academy of Science, 57(2009), p. 249-260.
21. Véronique le Bihan, Sophio Pardo, Patrice Guillotreau (2010). “Risk Perceptions and Risk Management Strategies in French Oyster Farming”, University of Nantes.
22. Võ Thị Thanh Lộc (2001). Thống kê ứng dụng và dự báo trong kinh doanh và kinh tế, tái bản lần 2, Nhà xuất bản Thống Kê.
23. World Bank (2005) “Managing Agricultural Production Risk”, Agriculture & Rural Development Department. Report Vol 32.727-GLB.